

H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 (một) con chung là: Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày: 27/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày: 21/4/2005 đã trưởng thành tự lao động được không cần phải nuôi dưỡng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị A thống nhất lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung là hoàn toàn đúng, bà A nhất trí với yêu cầu của ông H. Yêu cầu Tòa án huyện B tuyên bố ông H và bà A không phải là vợ chồng và đồng ý giao cho ông H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày: 27/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi bà A không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày: 21/4/2005 đã trưởng thành tự lao động được không cần phải nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: bà A thống nhất là vợ chồng không và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về phần con chung, tài sản chung và nợ chung.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Đức H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án tuyên bố Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị A không phải là vợ chồng; Về con chung: ông H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày: 27/02/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị A thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H và không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng trình tự pháp luật quy định. Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng của Thẩm phán phù hợp với quy định của Luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, tuyên bố Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị A không phải là vợ chồng; giao con chung Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày: 27/02/2008 cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi bà A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức H thuộc trường hợp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước được quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Á có địa chỉ tại: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Á tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2004, tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước có tổ chức đám cưới và nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét đây là hôn nhân không hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp tuyên bố ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Á không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chung sống như vợ chồng giữa ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Á mà không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình qui định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo qui định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc đăng ký kết hôn không đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Căn cứ thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC –BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội “về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình”. Hội đồng xét xử cần tuyên bố ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Á không phải là vợ chồng.

-Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Á đều thỏa thuận thống nhất giao con chung Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày: 27/02/2008 cho ông H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi bà Á không cấp dưỡng nuôi con.

Xét về thu nhập: Tại biên bản xác minh về thu nhập bình quân của một người có công việc là thuê và kinh doanh tại địa phương xã T, huyện B thì mức thu nhập bình quân là 8.300.000 đồng/tháng. Để đảm bảo được cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển bình thường về quyền lợi mọi mặt của trẻ em vị thành niên đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hải A, phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận về việc giao nuôi con chung giữa ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Á. Giao cho ông Nguyễn Đức H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

con chung là Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày: 27/02/2008 cho đến 18 tuổi bà A không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật. Con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày: 21/4/2005 đã trưởng thành, tự lao động được vợ chồng ông H, bà A thống nhất không cần phải nuôi dưỡng. HĐXX không xét.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu. Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị A trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Đức H phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b, khoản 3 Nghị quyết số: 35/QH của Quốc hội và Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC –BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội “ về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình”. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị A.

1. Tuyên bố: ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị A không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Tuyên giao 01 (một) con chung là: Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày: 27/02/2008 cho ông Nguyễn Đức H được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi bà A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có người yêu cầu quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi việc cấp dưỡng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp ngày 06/11/2024, theo biên lai số 007174.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Chức